

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản số: 37/2019/HSST
Ngày 20/03/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bạc Thị Liên

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Văn Hịa
2. Ông Nguyễn Quang Khải

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Văn Đoản - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Đ.

- Đại diện VKSND huyện Đ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 20/03/2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 24/2019/HSST ngày 22/01/2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:24/2019/QĐXX-HS ngày 15/02/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 04 ngày 01/03/2019 đối với bị cáo:

1. Họ và tên. Hà Văn N.Tên gọi khác: Không;Giới tính: Nam.

Sinh năm 1960. Tại Thái Bình.

Nơi ĐKKHTT và chỗ ở: Số nhà 31, tổ dân phố 3, phường M, Thành phố Đ, tỉnh ĐB. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt nam. Tôn giáo: Không.

Nghề nghiệp: Hưu trí. Trình độ văn hoá: 10/10.

Con ông: Hà Văn L (đã chết), con bà: Bùi Thị K (đã chết).

Gia đình bị cáo có 9 chị em, bị cáo là con thứ 5 trong gia đình. Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1964 và có 02 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1999. Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị Tòa xét xử; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 30/11/2018. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số nhà 31, tổ dân phố 3, phường M, thành phố Đ, tỉnh Đ (có mặt); Bà Phạm Thị O, sinh năm 1959. Địa chỉ: Số nhà 29, tổ dân phố 3, phường M, thành phố ĐB, tỉnh Điện Biên. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 29/11/2018, Hà Văn N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream màu nâu biển kiểm soát 27F1-2717 mượn của chị Phạm Thị O là chị dâu của N đi từ Trường Trung học phổ thông huyện Đ tại xã N, huyện Đ đến đội 5 xã T, huyện Đ gặp và mua được 01 gói được gói bên ngoài bằng nilon màu hồng miệng hơi lửa hàn kín bên trong chứa 04 viên Methamphetamine, và 01 gói heroine được gói bên ngoài bằng nilon màu hồng miệng gói hơi lửa hàn kín với giá 350.000đ của một người đàn ông dân tộc Thái khoảng 30 tuổi không biết tên và địa chỉ, mục đích đem về sử dụng cho bản thân. Sau khi mua được ma túy N cất vào cặp quần đang mặc rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà. Hồi 20 giờ cùng ngày, khi N đi được một đoạn thuộc đội 5, xã T, huyện Đ thì bị tổ công tác Công an xã T, huyện Đ kiểm tra phát hiện bắt quả tang, thu giữ của N 01 gói heroine và 04 viên Methamphetamine cùng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27F1-2717.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng ngày 30/11/2018 đã xác định: Toàn bộ số cục bột màu trắng nghi heroine thu giữ của Hà Văn có khối lượng là 0,37 gam, trích 0,08 gam gửi giám định. Tổng khối lượng 04 viên nén màu hồng nghi ma túy tổng hợp là 0,48 gam, trích 0,1 gam gửi giám định.

Tại bản kết luận giám định số 126/GĐ-PC09 ngày 07/12/2018 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Mẫu chất bột màu trắng gửi giám định trích ra từ vật chứng thu giữ của Hà Văn N là chất ma túy loại heroine. Mẫu viên nén màu hồng thu giữ của Hà Văn N gửi giám định là chất ma túy loại Methamphetamine.

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKSĐB ngày 22/01/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên đã truy tố bị cáo Hà Văn N về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điểm i Khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Đ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm i Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51/BLHS. Xử phạt bị cáo Hà Văn N từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015; Điểm a Khoản 2 Điều 106/BLTTHS năm 2015 về xử lý vật chứng.

Căn cứ Khoản 2 Điều 136/ BLTTHS năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo cũng hoàn toàn nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của VKSND huyện Đ không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng của bị cáo: Ngoài xin giảm nhẹ hình phạt không có ý kiến gì khác.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hành vi và các Quyết định của cơ quan người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Điều tra viên, kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng

hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì do đó các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng là hợp pháp được chấp nhận.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hà Văn đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Mọi lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng; Kết luận điều tra, các bản cung có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Hà Văn N là đối tượng nghiện chất ma túy bị cáo đã điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Dream màu nâu biển kiểm soát 27F1-2717 mượn của chị Phạm Thị O là chị dâu của bị cáo đi từ Trường Trung học phổ thông huyện Đ tại xã Noong Hẹt huyện Đ đến đội 5 xã T, huyện Đ gặp và mua được 01 gói được gói bên ngoài bằng nilon màu hồng miệng hở lửa hàn kín bên trong chứa 04 viên Methamphetamine, và 01 gói heroine được gói bên ngoài bằng nilon màu hồng miệng gói hở lửa hàn kín với giá 350.000đ của một người đàn ông dân tộc T khoảng 30 tuổi không biết tên và địa chỉ, mục đích đem về sử dụng cho bản thân. Sau khi mua được ma túy N cất vào cặp quần đang mặc rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà. Hồi 20 giờ cùng ngày, khi N đi được một đoạn thuộc đội 5, xã T, huyện Đ thì bị tổ công tác Công an xã T, phát hiện bắt quả tang khi đang tàng trữ trên người 0,37 gam heroine và 0,48 gam Methamphetamine cùng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27F1-2717.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã hoàn thành và được thực hiện bằng lỗi cố ý trực tiếp. Vật chứng thu giữ của bị cáo đã được cân xác định khối lượng là 0,37 gam heroine và 0,48 gam Methamphetamine, kết luận giám định là heroine và Methamphetamine.

Hành vi tàng trữ 0,37 gam heroine và 0,48 gam Methamphetamine trên người mục đích để sử dụng của bị cáo. Theo quy định tại Điều 4 Nghị định 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ về việc tính tổng khối lượng hoặc thể tích các chất ma túy tại một số điều của Bộ luật hình sự năm 2015. Tổng khối lượng hai chất ma túy bị cáo tàng trữ là 0,85 gam được quy định tại cùng Điểm c Khoản 1 Điều 249/BLHS năm 2015. Vì vậy hành vi tàng trữ hai chất ma túy có tổng khối lượng 0,85 gam của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điểm i Khoản 1 Điều 249/BLHS năm 2015.

Cáo trạng của VKSND huyện Đ đã truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình đã gây ra.

[4]. Xét tính chất mức độ phạm tội của bị cáo thì hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là hành vi nguy hiểm cho xã hội, tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy. Bị cáo nhận thức được tác hại của ma túy, nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật. Song vì nhu cầu của bản thân bị cáo đã bất chấp và cố tình vi phạm. Nên cần phải xử lý bị cáo nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cho thấy:

Bị cáo sinh ra và lớn lên tại tỉnh Thái Bình, năm 1967 theo gia đình lên Đ sinh sống bản thân học hết lớp 10/10, năm 1986 xây dựng gia đình với Nguyễn Thị H, bị cáo sử dụng ma túy từ năm 1986. Bản thân chưa có tiền án tiền sự, không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội. Ngoài ra bị cáo có bố đẻ là ông Hà Văn L được nhà nước tặng thưởng 02 lần huân chương kháng chiến hạng nhất và hạng 3, nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điểm s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51/BLHS. HĐXX sẽ xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo. Nhưng xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện ma túy nên cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo tiếp tục cai nghiện cải sửa lỗi lầm trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội.

[6]. Ngoài hình phạt chính là phạt tù thì bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 249/BLHS là phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 500 triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Xét kinh tế bị cáo khó khăn, bản thân lại nghiện chất ma túy. Nên không có điều kiện để thi hành. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với người đàn ông dân tộc Thái khoảng 30 tuổi bị cáo đã gặp tại đội 5 xã T theo bị cáo khai đã bán heroine và Methamphetamine cho bị cáo, do không biết tên và địa chỉ nên cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được. HĐXX không xem xét.

[7]. Vật chứng của vụ án cần áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015; Điểm a Khoản 2 Điều 106/BLTTHS năm 2015 về xử lý vật chứng. Tịch thu tiêu huỷ 0,37 gam heroine đã trích 0,08 gam gửi giám định không hoàn lại và 0,48 gam Methamphetamine đã trích 0,1 gam gửi giám định không hoàn lại.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27F1 - 2717 đăng ký mang tên Hà Văn N, là xe mà bị cáo và vợ chị Nguyễn Thị H mua năm 2000 và đã bán cho chị Phạm Thị O có giấy bán xe, sau đó bị cáo mượn xe chị O và đã dùng làm phương tiện phạm tội. Song chị O không biết việc N đem đi mua ma túy, đây là tài sản của chị O đã mua hợp pháp. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho chủ sở hữu là Phạm Thị O theo quyết định xử lý vật chứng ngày 05/01/2019, các bản khai chị O và chị H vợ bị cáo N cũng thừa nhận đã mua bán xe, hiện chị O đã nhận lại xe và không có ý kiến gì thêm. HĐ XX chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định tại Điều 136/BLTTHS và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điểm i Khoản 1 Điều 249; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51/BLHS.

1. Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn N phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”
2. Xử phạt bị cáo 12 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ (30/11/2018).

3. Vật chứng: Căn cứ: Điểm c Khoản 1 Điều 47/BLHS; Điểm a Khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

- Tịch thu tiêu huỷ 0,37 gam heroine đã trích 0,08 gam gửi giám định không hoàn lại. 0,48 gam Methamphetamine trích 0,1 gam gửi giám định không hoàn lại.

(Vật chứng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ vào ngày 19/02/2019).

4. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136/BLTTHS năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí lệ phí Tòa án bị cáo Hà Văn N phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Hà Văn N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/3/2019).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị O và chị H đều có mặt tại tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/3/2019).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bộ phận HNV CAH Điện Biên;
- Sở TP tỉnh Điện Biên;
- CCTHADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Lưu./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bạc Thị Liên